

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2020.

V/v tranh chấp HNGĐ.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đức Toàn.

2. Bà Phạm Thị Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Xóm 4, thôn N, xã K, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1990

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn M, xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Khu sản xuất số 1, Phân trại số 1, Trại giam L, tỉnh Thanh Hóa.

(Các đương sự vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2020, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Thái H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2010, tại UBND xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa chỉ trên, sống hạnh phúc đến ngày 24/9/2010 thì chị sinh con, anh H không quan tâm, chăm sóc chị và con, không chí thú làm ăn, chơi bời dẫn đến nghiện ma túy nên năm 2012 anh H bị xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đã nhiều lần chị khuyên bảo để anh H cai nghiện nhưng không có kết quả mà ngày càng lún sâu vào việc nghiện hút. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tháng 8/2012 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Ra tù, anh H không đến nói chuyện với chị và gia đình để đón chị về mà chỉ gọi điện hỏi chị có về không. Ngày 19/9/2018, anh H lại bị bắt và bị xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam L, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 24/9/2010, hiện con đang ở cùng bố mẹ đẻ anh H. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là lao động tự do (bán hàng ăn sáng) thu nhập khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Anh H không có việc làm, không có thu nhập, sống phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ.

Chị và anh H tự phân chia tài sản chung. Không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

\*) Bị đơn là anh Nguyễn Thái H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2010, tại UBND xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh phạm tội và phải đi tù. Nay chị H xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn và muốn tạo điều kiện cho chị H xây dựng cuộc sống mới nên anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị H có 01 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 24/9/2010, hiện tại đang ở cùng bố mẹ anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án tiếp tục để cháu Hải A sống với bố mẹ anh, khi chấp hành án xong anh sẽ có trách nhiệm nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh không có yêu cầu gì khác.

\* ) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh Nguyễn Thái H cư trú cung cấp thông tin như sau:

Anh Nguyễn Thái H và chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Mâu thuẫn giữa anh H và chị H là có thật và nguyên nhân chủ yếu là do anh H nghiện ma túy nhiều năm. Sau khi kết hôn anh H đã từng phải chấp hành án phạt tù, sau khi trở về địa phương đến năm 2018, anh H lại tiếp tục phải chấp hành án phạt tù. Nay chị H xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị H và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 24/9/2010. Việc nuôi con và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giao con cho người có điều kiện và khả năng nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt hơn.

Về tài sản chung của anh H và chị H địa phương không nắm được, anh chị không có nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

\* ) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hải A, sinh ngày 24/9/2010, không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Thái H đang chấp hành án tại Trại giam L, tỉnh Thanh Hóa có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, áp dụng điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thái H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 24/9/2010 thì xảy ra mâu thuẫn, do anh H thường xuyên vi phạm pháp luật, vướng mắc vào tệ nạn xã hội, đã bị xử phạt tù giam dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Tháng 8 năm 2012, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, năm 2018 anh H lại phải chấp hành án phạt tù, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thái H là đúng pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hải A, sinh ngày 24/9/2010, hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ anh Hà. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H đề nghị tiếp tục để bố mẹ anh nuôi dưỡng con đến khi anh chấp hành án xong sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Chị H có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Còn anh H bị nghiện ma túy, liên tục vi phạm pháp luật, hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Do đó, cần giao con Nguyễn Hải A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con. Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Nguyễn Hải A, sinh ngày 24/9/2010 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh H có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0009423 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình thành án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND xã B, TP.T (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Hồng Thái**